

Số: 73/2019/QĐST-KDTM

Thủ Đức, ngày 15 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thụy Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ dân sự sơ thẩm số 34/2019/KDTM-ST ngày 12/6/2019, về việc: “Tranh chấp hợp đồng gia công”.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A

Địa chỉ: Số 62/10 G, phường N, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đại Kim M, sinh năm: 1970 – là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2019).

Bị đơn: Công ty B

Địa chỉ: Số 206/1 A, khu phố B, phường B, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Nguyễn Duy H, sinh năm: 1983.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1997 (Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2019).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty A chỉ yêu cầu Công ty B trả số tiền cọc là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên theo Hợp đồng kinh tế số 125/MN/HĐKT-2018 ngày 08/8/2018 giữa Công ty A và Công ty B.

Công ty B phải thanh toán cho Công ty A số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), bắt đầu từ ngày 06/12/2019, vào ngày 06 dương lịch hàng tháng mỗi tháng trả số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), hạn chót là ngày 06/7/2020.

- Nếu Công ty B vi phạm bất kỳ một kỳ thanh toán nào nêu trên thì Công ty A có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền còn lại chưa thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Kể từ ngày Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty B chưa thanh toán thì còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2 Về án phí hòa giải thành: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 4.000.000đ (bốn triệu đồng) Công ty B phải chịu.

Hoàn lại cho Công ty A số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0003104 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thụy Phương Thảo